

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày 05/3/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hoàng Tha

Bà Trần Thị Thanh Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị N, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Nơi ở hiện nay: ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số C ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Thạch Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2019, bà N với ông N1 kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời kỳ hôn nhân ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng về sau

thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn vì tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau với nhau, bà N và ông N1 đã ly thân từ khoảng tháng 7/2024 cho đến nay. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông N1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà N với ông N1 có 02 người con chung là cháu Nguyễn Bảo N2 (nữ, sinh ngày 07/3/2018) và cháu Nguyễn Bảo K (sinh ngày 26/5/2020). Hiện nay, các con đang sống chung với ông nội và ông N1, do ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con, do hiện nay tôi có công việc ổn định thu nhập khoảng 14.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết giao con cho bà N thì sẽ gửi các cháu về bên nhà ông bà ngoại tại xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng sinh sống.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà N trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Thành N1 trình bày:

Do tình cảm vợ chồng giữa ông N1 với bà N không còn nên cũng đồng ý thuận tình ly hôn với bà N.

Về con chung: cháu Nguyễn Bảo N2 (nữ, sinh ngày 07/3/2018) và cháu Nguyễn Bảo K (sinh ngày 26/5/2020) đang sống chung với ông N1 và cha ruột của tôi là ông Nguyễn Văn Đ, các cháu do ông N1 trực tiếp chăm sóc, cháu N2 hiện nay đang đi học lớp tại Trường Tiểu học Đ1, còn cháu K thì chưa đi học do còn nhỏ. Công việc hàng ngày của ông N1 là đi mua bán trái cây với người anh ruột, thu nhập mỗi ngày bình quân khoảng 300.000 đồng/ngày, sáng đi bán thì khoảng đến trưa là về nhà. Sau khi ly hôn, ông N1 có nguyện vọng được tiếp tục nuôi các con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Thống nhất theo lời trình bày của bà N là không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Thạch Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con khi ly hôn với ông Nguyễn Thành N1 có nơi cư trú tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông N1 kết hôn với nhau vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và tại thời điểm kết hôn bà N và ông N1 không vi phạm điều cấm kết hôn. Vì vậy, hôn nhân giữa ông B với bà N3 là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong thời gian đầu chung sống, thì bà N và ông N1 sống rất hạnh phúc, nhưng về sau bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông bà đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Từ đó cho thấy, bà N và ông N1 đã không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc hàng ngày trong gia đình nên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân Gia đình.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa N và ông N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được, bà N và ông N1 cũng đã thống nhất thuận tình ly hôn nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N với ông N1.

[3]. Về con chung: Bà N và ông N1 thống nhất trình bày có 02 người con chung là cháu Nguyễn Bảo N2 (nữ, sinh ngày 07/3/2018) và cháu Nguyễn Bảo K (sinh ngày 26/5/2020). Hiện nay, các con đang sống chung với ông nội và ông N1, do ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng từ khi bà N và ông N1 ly thân cho đến nay. Sau khi ly hôn thì cả bà N và ông N1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Mặc dù, cả bà N và ông N1 đều có thu nhập để nuôi dưỡng các con chung, nhưng việc giao con cần phải xem xét đến điều kiện, khả năng và thời gian trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục mà còn phải bảo đảm ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các con, Hội đồng xét xử thấy rằng,

Hiện nay, các con chung đang do ông N1 là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, cháu N2 được đảm bảo việc học hành, các cháu hiện đang sống ổn định và phát triển, đã quen với điều kiện môi trường sống chung với ông nội và cha. Mặt khác, bà N trình bày hiện đang đi làm tại tỉnh Bình Dương và trường hợp giao con cho bà N thì bà sẽ đem các con về cho cha mẹ ruột nuôi dưỡng nên về thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các

con chung thì ông N1 có điều kiện gần gũi, quan tâm và gắn bó với các con nhiều hơn bà N. Còn việc tách các cháu cho mỗi người nuôi dưỡng một cháu sẽ chia cắt đi tình chị em ruột của các cháu, không những các cháu sẽ không thể dành cả tuổi thơ cho nhau, mà còn có thể làm mất đi sự gắn kết tình cảm giữa chị em ruột sau này, sẽ không có lợi cho sự phát triển của các cháu.

Do đó, nhằm ổn định sự phát triển về mọi mặt tâm sinh lý và đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung được tốt nhất, cũng như nhằm tránh gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các cháu nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà N mà tiếp tục giao các con chung cho ông N1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên (18 tuổi) là phù hợp. Bà N không cấp dưỡng nuôi con chung do ông N1 không yêu cầu.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp sau này, nếu ông N1 không còn đủ điều kiện tốt để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung hoặc cản trở việc thăm nom con chung thì bà N vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông N1 thống nhất không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Bà N và ông N1 phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng cũng như quan điểm giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng việc Kiểm sát viên đề nghị giao các con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là chưa phù hợp như nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Khoản 1 Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Thạch

Thị N và ông Nguyễn Thành N1.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Nguyễn Bảo N2 (nữ, sinh ngày 07/3/2018) và cháu Nguyễn Bảo K (sinh ngày 26/5/2020) cho ông Nguyễn Thành N1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình.

Bà Thạch Thị N không cấp dưỡng nuôi con chung do ông Nguyễn Thành N1 không yêu cầu.

Bà Thạch Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Bà Thạch Thị N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông Nguyễn Thành N1.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Thị N và ông Nguyễn Thành N1 trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành N1 phải chịu 75.000 đồng là án phí ly hôn,

Bà Thạch Thị N phải chịu án phí ly hôn là 75.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006795 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên bà Thạch Thị N đã nộp xong tiền án phí. Hoàn trả cho bà Thạch Thị N số tiền tạm ứng án phí chênh lệch sau khi khấu trừ tiền án phí là 225.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND TT. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

